

Tưởng nhớ người anh cả Không Quân

Niên trưởng Phạm Long Sửu (1925-2011)

* Nguyên Tham Muu Trưởng Không Quân VNCH

* Nguyên Tổng Giám Đốc Hàng Không Việt Nam

Trần Dật/Ngô Ái Lan

Sáng sớm hôm đó, trong lúc đang mơ màng ngái ngủ, chuông điện thoại nhà reo. Ai gọi vào giờ này nhỉ? Mới chưa đầy 6 giờ sáng! Thói quen nghe điện thoại mỗi sáng sớm vào 6 giờ đã lâu không còn nữa, kể từ ngày chị Thân Thị Hảo, người chị cả trong Hội Ái Hữu QH/ĐK chúng tôi qua đời cách đây gần một năm. Nhắc điện thoại lên, bên kia đường dây một giọng nói quen thuộc, yếu ớt:

- Anh Dật ơi, tôi Sửu đây.

- Tôi chắc không còn sống được bao lâu nữa anh ạ! Xin anh nhớ những điều tôi nhờ anh trước đây.

- Khi tôi qua đời, xin đừng phủ quốc kỳ cho tôi.

Tôi ngạc nhiên hỏi tại sao? “Anh là người đã từng vào sinh ra tử, từ Nam ra Bắc, chinh chiến nhiều năm vì tổ quốc, anh quá đù tư cách và xứng đáng được phủ quốc kỳ. Tại sao anh lại khước từ?”

Anh không trả lời câu hỏi của tôi mà băng quơ hỏi lại tôi:

- Anh còn nhớ không? Tôi qua đây đã hơn 20 năm, hầu như ai qua đời cũng được phủ cờ, có phải thế không anh Dật?

Tôi lặng yên không trả lời. Tôi hiểu ý anh.

Anh nói tiếp:

- Sau khi tôi qua đời, không muốn bạn bè, người thân nhìn khuôn mặt khô héo, tiều tụy của mình, chỉ nên để di ảnh, bình tro của tôi, bên cạnh bàn thờ Phật trang nghiêm là đủ.

- Ngày tang lễ tôi, nên tổ chức lễ cầu siêu, thắp viếng, di quan, an táng, chỉ một buổi, để khỏi phiền hà con cháu, bạn bè.

Những lời dặn dò ấy khiến tôi bùi ngùi xúc động, vì tôi biết rằng đây là những lời trăng trối cuối cùng của anh. Anh là một người bình dị, được tất cả anh em bạn bè cũng như thuộc cấp mến phục, và tính bình dị của anh vẫn còn thể hiện trước khi nhắm mắt lìa đời.

Hai ngày sau, cũng vào khoảng 6 giờ sáng, tôi được tin anh ra đi, thanh thản, nhẹ nhàng.

Anh qua đời ngày Hai tháng Bảy, 2011.

Xin ơn trên phủ hộ cho anh và mong anh siêu thoát về miền lạc cảnh.

Anh Phạm Long Sửu hưởng thọ 87 tuổi.



Niên trưởng Phạm Long Sửu tại trường bay phi cơ phân lực 'Ecole de Chasse at Meknes', thập niên 1950s. (Hình: Tác giả cung cấp)

Kỷ niệm về anh lại dồn dập trở về trong ký ức tôi. Vào một ngày đầu hạ năm 1990, tôi tổ chức một buổi họp mặt, gây quỹ của nhóm “không gian thân tình” để giúp đỡ các anh em Không Quân và gia đình cô nhi quả phụ gặp khó khăn tại quê nhà. Tình cờ gặp lại anh sau nhiều năm tháng, anh đến nhà tôi cùng với người bạn thân cùng khóa, phi công Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Oánh. Cuộc họp mặt thân tình và kết quả tốt đẹp. Trước khi ra về, anh xiết mạnh tay tôi, nói: “Việc làm của anh có ý nghĩa rất đáng khuyến khích. Tuy nhiên, trong vấn đề tài chính cần phải rõ ràng, minh bạch, và sử dụng đúng.” Tính anh vốn cương trực nên lời nói của anh thẳng thắn, chân tình. Tôi càng quý mến anh hơn từ dạo đó.

Niên trưởng Phạm Long Sửu sinh ngày 25 tháng 11 năm 1925 (Ất Sửu) tại Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình trung lưu, chỉ có hai anh em, một trai và một gái. Anh là con trưởng. Thân phụ anh mất sớm, lúc anh mới 17 tuổi, người mẹ đảm đang, tảo tần, ở vậy nuôi con thành tài.

Sinh ra ở Hà Nội nhưng tuổi thơ và cuộc đời của anh lại gắn bó với xứ Huế thân thương. Đỗ tú tài năm 20 tuổi (1945) Ất Dậu. Vào thời điểm này, phong trào chống Pháp bùng phát khắp nước. Anh từ giã gia đình, mẹ và em gái để gia nhập lực lượng thanh niên tiên phong yêu nước ấy. Sau một thời gian, anh thấy phong trào bị Việt Minh lợi dụng và anh

bỏ về hậu phương tìm nguồn an ủi bên mẹ và em gái. Anh dành nhiều thì giờ trau dồi thêm ngoại ngữ và quyết tâm thực hiện giấc mộng trở thành phi công.

Trong thời gian này, anh gặp người yêu Hà Thị Bích Hà, thứ nữ của cụ Phó Thủ Hiến Trung Việt Hà Văn Lan. Năm sau, hai người thành hôn, hôn lễ Phạm Long Sừ và Hà Thị Bích Hà được cử hành tại Sài Gòn. Dịp may đến, mộng trở thành phi công của anh trở thành hiện thực. Vào năm 1951, khóa phi công đầu tiên được tổ chức, khóa thi và thụ huấn tại căn cứ Nha Trang. Anh là một trong 15 khóa sinh trúng tuyển. Trong kỳ thi tốt nghiệp, anh đậu thủ khoa với cấp bậc thiếu úy. Đến bây giờ, hơn 60 năm qua, khóa anh chỉ còn lại hai chiến hữu là Chuẩn Tướng Võ Đình và Đại Tá Trần Bá Quý. Đặc biệt khóa học này có người hùng phi công Mai Văn Hạnh, nay cũng đã qua đời.



Ngày họp mặt của nhóm không gian thân tình tại tư gia ông Trần Dật vào mùa Thu 1990. Hàng ngồi, đầu tiên bên trái là niên trưởng Phạm Long Sừ. Hàng đứng, thứ nhì từ phải là tác giả Trần Dật. (Hình: Tác giả cung cấp)

Sau khi tốt nghiệp khóa phi công đầu tiên (bằng phi công số I của Không Quân VNCH), anh được điều động về phục vụ Phi Đoàn I quan sát. Không lâu sau, anh được đề cử làm Biệt Đội Trưởng sân bay thành nội Huế.

Đầu năm 1954, anh lại trúng tuyển khóa phi công khu trục phản lực của trường “Ecole de L'Air at Salon de Provence,” trường không quân nổi tiếng của Pháp. Thời gian thụ huấn bốn năm, sau khi tốt nghiệp, sẽ được cấp bằng tương đương kỹ sư. Với tất cả ý chí, nghị lực, sau hai năm rưỡi mài dũa địa huấn và phi huấn, anh đỗ và được chuyển tiếp sang trường bay phi cơ phản lực “Ecole de Chasse at Meknes,” khóa học này thêm một năm rưỡi nữa, khóa sinh được huấn luyện trên các loại phi cơ khu trục và khu trục phản lực gồm có T33 của Hoa Kỳ, loại Vampire của Anh Quốc và Ouragan của Pháp Quốc.

Trường gồm nhiều khóa sinh ngoại quốc, và bản xứ; với niềm đam mê, lòng quyết tâm và năng khiếu, lại một lần nữa anh tốt nghiệp thủ khoa.

Trước tài năng xuất sắc của anh, một người ngoại quốc, nhà trường và quân đội Pháp mời anh ở lại, sẵn sàng trả lương, với cấp bậc và quyền lợi như sĩ quan hiện dịch của quân đội Pháp. Điều này là một ước mơ của nhiều người. Nhưng với anh, dù vợ con, hiện đang sống trên đất nước Pháp đã lâu, vẫn không hề bị tiền bạc, danh lợi làm lung lạc. Anh từ chối lời đề nghị ấy, và nói: “Tôi đi du học để thêm kiến thức, trau dồi kỹ thuật mới để về phục vụ quê hương, đất nước đang cần tới.” Một quyết định đầy khó khăn, sáng suốt và can đảm!

Về nước, đầu năm 1958, anh được bổ nhiệm trưởng phòng hành quân Phi Đoàn 1 khu trực đóng tại Biên Hòa. Suốt thời gian này, anh huấn luyện nhiều phi công nòng cốt cho Không Quân VNCH. Sau đó, chính anh thành lập và cũng là chỉ huy trưởng Phi Đoàn 2 khu trực đồn trú tại Nha Trang.

Năm 1964, Không Quân VNCH bành trướng, anh là người tiên phong tổ chức đưa căn cứ Không Quân Đà Nẵng trở thành Không Đoàn Bốn Mươi Một Chiến Thuật. Khi còn là một chỉ huy trưởng Phi Đoàn 1, và Phi Đoàn 2 khu trực, cũng như lúc đảm nhiệm chức vụ Không Đoàn Trưởng Bốn Mươi Một chiến thuật, anh là cấp chỉ huy luôn nhận lãnh nhiệm vụ trong các phi vụ hiểm nguy. Đặc biệt trong các phi vụ Bắc phạt, anh tiên phong chỉ huy 6 phi tuần khu trực nặng, gồm 24 phi cơ chiến đấu trực chỉ không tập Vĩnh Linh, Quảng Bình. Mặc dầu hỏa lực phòng không của địch ác liệt và vô cùng nguy hiểm, anh vẫn bất chấp và can đảm tiếp tục các phi vụ sau này. Trong những phi vụ Bắc phạt ấy, anh hùng Phạm Phú Quốc - người từng là chỉ huy phó Phi Đoàn 1 khu trực của anh trước đây - đã hy sinh trên đất địch.

Đầu năm 1965, anh được bổ nhiệm chức vụ tham mưu trưởng Không Quân. Ngay sau khi nhậm chức, anh muốn cải thiện và xây dựng quân chủng Không Quân có tầm cỡ. Ý định chưa được hoàn tất thì tháng sau anh lại được chuyển chuyên vào một chức vụ hoàn toàn dân sự: Tổng Giám Đốc Hàng Không Việt Nam.

Đối với gia đình, bạn bè, đây là một thăng tiến, một vinh dự cho gia đình; nhưng trái với sự vui mừng trước quyết định bổ nhiệm này, anh tâm sự: “Đó là họ đuổi khéo mình ra khỏi Không Quân đấy!” Mặc dầu biết vậy, sau ngày nhậm chức tổng giám đốc Hàng Không Việt Nam, chỉ trong vòng hai năm, anh chính đốn lại và đưa hàng không Việt Nam vào hàng tâm cỡ trong khu vực Đông Nam Á. Trong việc canh tân này, cần phải tạo mãi thêm nhiều phi cơ tối tân và hiện đại hơn. Trong suốt thời gian đảm trách chức vụ tổng giám đốc trên đà phát triển, đã có nhiều đại diện hãng thầu cung cấp tiếp cận và thương lượng để được trúng thầu, dĩ nhiên là kèm theo những đề nghị huê hồng cho vị tổng giám đốc. Anh khước từ những đề nghị này. Sau đó, anh chỉ chấp thuận ký hợp đồng với hãng nào cung cấp đúng tiêu chuẩn, giá cả phải chăng, có lợi cho quốc gia, mà không cần đem lợi nhuận, huê hồng về cho cá nhân anh. Việt Nam Hàng Không đang trên đà vươn lên, thì được lệnh chuyển chuyên giã từ chức vụ về làm giảng viên trường chỉ huy Tham Mưu Trung Cấp Đà Lạt. Với tinh thần của một quân nhân, anh luôn hoàn thành trọng trách được giao phó, cho mãi đến ngày mất nước.

Rồi biến cố tháng 4, 1975 xảy ra. Đà Lạt thất thủ, anh trở về Sài Gòn. Trong những ngày đầu rối ren, hỗn loạn của thủ đô, người người chạy tìm bằng mọi cách để ra khỏi nước. Gia đình các con anh cũng tìm được phương tiện và chuẩn bị di tản. Anh vẫn thản nhiên, các con anh năn nỉ và van xin anh hãy cùng ra đi. Anh bảo: “Ba đã từng này tuổi, đã từng sống và làm việc nhiều nơi ở nước ngoài, bây giờ chỉ muốn ở lại quê hương, dù sống nghèo ở quê nhà vẫn tốt hơn sống giàu ở nước ngoài.” Đây là quyết định sai lầm quá lớn trong cuộc đời anh, anh phải trả một cái giá quá đắt: 13 năm tù.

Trong suốt thời gian tù đầy, anh luôn giữ đúng tư cách của một sĩ quan, một cấp chỉ huy của QLVNCH, không luôn cúi, không nịnh bợ, không sợ sệt, không cầu xin, anh trải lòng sống với mọi người, biết hy sinh, san sẻ nguồn tiếp tế dồi dào của gia đình anh đến các bạn tù mà mọi người và ngay cả chính anh đã và đang đói lạnh triền miên.

Anh nhớ lại một sự việc khó quên. Vào một buổi sáng Mùa Đông giá lạnh ở rừng núi Việt Bắc, tên cán bộ quản giáo cho gọi anh lên văn phòng và bảo: “Tờ khai lý lịch của anh thiếu sót.” Với thái độ hách dịch cố hữu, tên quản giáo quát lớn: “Anh ngoan cố! Anh có biết đại sứ Hà Văn Lâu không?” (Hà Văn Lâu là anh họ vợ anh). Anh vẫn từ tốn và bình tĩnh trả lời: “Vâng, tôi từng nghe tên ông ấy cũng khá nhiều nhưng chưa hề quen biết. Và lại, suốt gần hai năm rồi, tôi vẫn ở trại giam này, chưa từng nhận được sự thăm hỏi, thư từ, hay viếng thăm của ông ấy. Ông đại sứ chẳng biết tôi là ai. Xem ra tôi cũng như mọi người trong trại giam này, thì tại sao tôi phải khai báo trong tờ khai lý lịch.” Sau câu trả lời rõ ràng và dứt khoát đó, tên cán bộ để anh về trại.

Suốt thời gian mười ba năm tù đầy trong các trại chuyển tiếp từ Bắc vào Nam, anh cảm nhận thấm thía được sự quý giá của tự do. Vì vậy, vừa ra khỏi tù sau mười ba năm khổ nhục, anh quyết định bằng mọi giá phải rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn này, càng sớm càng tốt. Nhờ sự vận động của người con gái làm việc ở tòa đại sứ Pháp, anh được rời Việt Nam sang Pháp vào cuối năm 1988. Một năm sau, anh sang Mỹ do sự bảo lãnh của con gái đầu.

Hơn hai mươi năm, chúng tôi sống cùng trong một thành phố nhỏ ở miền Nam Cali, giữa anh và tôi có nhiều kỷ niệm. Cách đây gần hai năm (2009), một buổi sáng cuối Thu đẹp trời, anh gọi tôi thật sớm, sớm hơn mọi ngày và hỏi: “Anh Dật ơi! Hôm nay trời đẹp, có rảnh không? Chúng mình cùng đi ăn trưa và tiện thể ghé lại thăm chị Hạnh Nhơn, bạn thân của em gái mình, nhưng đừng báo trước.” Khi hai anh em chúng tôi đến, chị Hạnh Nhơn đã rất đỗi ngạc nhiên, niềm nở trách: “Ôi! Răng mà không điện thoại trước để cho tôi sửa soạn đón tiếp quý khách”. Nhìn trên bàn làm việc của chị, một chồng hồ sơ thương phế binh và cô nhi quả phụ đang còn làm dang dở. Anh Sửu nói đùa: “Thượng cấp đi thanh tra mà báo trước thì còn ý nghĩa gì nữa hè!” Cả ba đều cười, trong lòng chúng tôi, mọi người mang cùng một niềm vui chung. Lúc ra về, anh nói: “Chừng ấy tuổi mà chị Hạnh Nhơn vẫn con hăng say làm việc, đáng phục!” Cầu mong sao chị ấy khỏe mạnh và sống lâu.

Mỗi độ Xuân về, anh thường đến nhà tôi, tâm sự, có một lần anh hỏi tôi: “Năm nay, anh có về quê không?” Tôi đáp: “Dạ có.” Có lẽ anh đang buồn, hỏi tiếp: “Dân quê mình ở vùng xa xôi, hẻo lánh vẫn còn nghèo khổ lắm phải không anh?” “Thưa anh, dạ vẫn còn.” Anh trầm ngâm, suy tư, anh lại hỏi tiếp: “Tại sao đất nước mình giàu tài nguyên mà dân ta vẫn cứ nghèo mãi thế?” Tôi chưa kịp trả lời, anh cười tự tin và nói: “Anh cứ yên trí đi, tin tưởng vào thể hệ tương lai con cháu mình sẽ đưa đất nước đến phú cường, thịnh vượng và tự do trong một ngày không xa.” Chúng tôi mỉm cười, xiết chặt tay nhau với ý nghĩa đồng tình và hy vọng.

Ngày thất tuần của anh được tổ chức trong vòng thân mật, con cháu và một số bạn bè thân hữu tham dự. Đứng trước bàn thờ Phật uy nghi, trước di ảnh của anh, tôi thầm cầu nguyện cho hương linh anh siêu thoát về miền tịnh độ. Kể từ nay, tôi không còn nghe giọng nói thân thương, tiếng cười hồn nhiên và những tiếng chuông điện thoại vào mỗi sáng sớm nữa. Nhưng hình ảnh hào hùng, khí phách can trường của một phi công đầu đàn

trong Không Lực VNCH với nhân cách cao đẹp, liêm khiết, tốt bụng và lòng yêu nước
vẫn luôn luôn hiện hữu, sống mãi trong tâm hồn tôi.

Xin cảm ơn trên đã cho tôi cơ hội được gặp và quen thân anh ở thành phố Glendale này.

Tôi đã học được rất nhiều điều quý giá từ nơi anh.

Xin vĩnh biệt anh!

Trần Dật (ailanlengo@yahoo.com)

Nhóm Không Gian Thân Tình
